

Số: 39/2023/QĐST-DS

Bình Đại, ngày 08 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2018/TLST – DS ngày 31 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Dương Thành G, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Ấp 4 C, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị KT, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Ấp 4 CT, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền đề ngày 14/7/2023.

** Bị đơn:* Nguyễn Minh T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Ấp 4 C, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Thị K, sinh năm: 1967

- Võ Thị Xuân T, sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: Ấp 4 C, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Dương Thành G, bà Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Minh T, chị Võ Thị Xuân T đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất ranh giới giữa các thửa đất số 16, 26, tờ bản đồ số 39 (Số liệu chính quy) tọa lạc tại ấp 4, xã B, huyện Đ, tỉnh T cụ thể như sau:

2.1. Căn cứ vào họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 01/4/2022 và ngày 23/11/2022 các đương sự thống nhất xác định và lấy 02 điểm A', H là đường ranh giới chung của 02 thửa đất số 16, 26, tờ bản đồ số 39.

2.2. Anh Nguyễn Minh T, chị Võ Thị Xuân T đồng ý trả lại cho ông Dương Thành G, bà Nguyễn Thị K diện tích đất 12.3 m² thuộc 01 phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp 4, xã B, huyện Đ, tỉnh T thể hiện ở các điểm A', E, F, G, H, A' được biểu thị ở thửa 26-2.

Đất phải trả cho ông Dương Thành G, bà Nguyễn Thị K có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa đất số 27, tờ bản đồ số 39
- Tây giáp Rạch
- Nam giáp phần đất còn lại của ông số 26, tờ bản đồ số 39 của Dương Thành G
- Bắc giáp thửa đất số 16, tờ bản đồ số 39 của Nguyễn Minh T

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 01/4/2022 và ngày 23/11/2022 kèm theo Quyết định)

2.3. Ghi nhận ông Dương Thành G không yêu cầu giải quyết 03 bụi lá dừa nước (02 bụi trồng, 01 bụi tự mọc) trên đất tranh chấp phải trả nên không xét đến.

2.4. Chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Minh T và chị Võ Thị Xuân T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Dương Thành G ½ chi phí tố tụng của số tiền 4.339.000 đồng là 2.169.500 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng), trả vào ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Ngày 08/8/2023) là hoàn tất.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Thành G là người cao tuổi được miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho ông Dương Thành G số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017933 ngày 31/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Minh T và chị Võ Thị Xuân T phải liên đới chịu 209.000 đồng (Hai trăm lẻ chín nghìn đồng).

(Giá trị tài sản tranh chấp số tiền là 418.000 đồng/2)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương